TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **538**/2024/DS-ST
Ngày: 08/8/2024
V/v đòi tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Nam H,
- *Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn H1,
Ông Phạm Quang L.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Hoàng Mạnh H2, T ký Toà án nhân dân Quận T, T1 phố Hịa Chí M.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận T, T1 phố Hịa Chí M tham gia phiên tòa: Bà Trần Mai H3, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận T, T1 phố Hịa Chí M, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 765/2023/DSST ngày 19 tháng 12 năm 2023, về "Đòi tài sản", theo Q định đưa vụ án ra xét xử số 618/2024/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên toà số 798/2024/QĐST-HPT ngày 18 tháng 7 năm 2024, giữa các bên đương sự:

- Nguyên đơn: bà **Nguyễn Thị N** (có mặt tại phiên tòa),
Địa chỉ: D H, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: ông **Trịnh Cao K** (vắng mặt tại phiên tòa),
Địa chỉ: C Đ, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:*

Ông Trịnh Cao K mượn của bà Nguyễn Thị N số tiền 150.000.000 đồng, theo nội dung Giấy vay mượn tiền ngày 26/8/2019, không có lãi suất, thời hạn thanh toán ngày 16/10/2019.

Đến hẹn, ông K không thanh toán nợ cho bà N và sau đó ông K bán nhà, bỏ đi khỏi địa phương.

Bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu ông Trịnh Cao K thanh toán số nợ 150.000.000 đồng, nêu trên, làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

** Đối với bị đơn ông Trịnh Cao K:*

Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án dân sự số 765/2023/TB-TLVA ngày 19 tháng 12 năm 2023; giấy triệu tập tự khai; hai Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông Trịnh Cao K đều vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp, phiên toà không lý do, nên Tòa án quyết định xét xử vụ án theo trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: việc xác minh, thu thập chứng cứ, thực hiện thủ tục tống đạt các loại văn bản tố tụng và xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát là đúng quy định.

Bị đơn đã được Toà án thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng, nhưng đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến và bị đơn đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình.

Việc khởi kiện của nguyên đơn: thời hạn thanh toán hai bên thoả thuận là ngày 16/10/2019, nhưng đến ngày 10/10/2023, nguyên đơn mới khởi kiện là hết thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản; Toà án thụ lý vụ án "Đòi tài sản", là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn nộp là Giấy vay mượn tiền ngày 26/8/2019, thể hiện ông Trịnh Cao K đã mượn bà Nguyễn Thị N số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn thanh toán ngày 16/10/2019.

Kết quả phần thủ tục hỏi, phần tranh luận tại phiên tòa, nhận thấy việc thẩm tra, xem xét chứng cứ của Hội đồng xét xử là đầy đủ, rõ ràng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: buộc bị đơn thanh toán số tiền vay 150.000.000 đồng theo Giấy vay mượn tiền ngày 26/8/2019.

PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, H4 đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng:*

[1] Về đơn khởi kiện:

Hình thức, nội dung Đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị N thực hiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết của Toà án:

[2.1] Về thời hiệu khởi kiện:

Căn cứ Giấy vay mượn tiền ngày 26/8/2019 ngày 26/8/2019 hai bên đương sự thực hiện việc vay mượn tiền, thời hạn thanh toán hai bên đương sự thoả thuận là ngày 19/10/2019, nhưng đến ngày 10/10/2023, nguyên đơn mới khởi kiện là hết thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản, căn cứ quy định của pháp luật về dân sự, thể hiện tại khoản 1 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, quy định như sau:

"Điều 184. Thời hiệu khởi kiện, thời hiệu yêu cầu giải quyết việc dân sự

1. Thời hiệu khởi kiện, thời hiệu yêu cầu giải quyết việc dân sự được thực hiện theo quy định của Bộ luật dân sự".

Quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015, như sau: "Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Toà án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm".

[2.2] Về nơi cư trú bị đơn:

Căn cứ kết quả xác minh cư trú của Ban chỉ huy Công an phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, thể hiện ông Trịnh Cao K đăng ký hộ khẩu thường trú tại C Đ, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, đến năm 2023 ông K bán nhà, bỏ đi khỏi địa phương.

[2.3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Toà án:

Hội đồng xét xử căn cứ những nhận định nêu trên, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "đòi tài sản", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận T, T1 phố Hịa Chí M theo quy định tại khỏan 2 Điều 26; điểm a khỏan 1 Điều 35; điểm a khỏan 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 164, Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về tính tự nguyện giao kết giữa các chủ thể khi giao dịch dân sự:

Hai bên đương sự có lập Giấy vay mượn tiền ngày 26/8/2019, có người chứng kiến và ông Trịnh Cao K đã ghi "Đã nhận đủ 150.000.000 đồng và ký tên, ghi rõ họ và tên", nên Hội đồng xét xử xét, việc hai bên đương sự giao kết và thực hiện vay mượn tiền là hoàn toàn tự nguyện, không bị đe dọa, ép buộc khi giao kết hợp đồng.

[4] Về yêu cầu phản tố:

Trong vụ án này, bị đơn ông Trịnh Cao K không có yêu cầu phản tố.

** Về nội dung vụ án:*

[5] Về tài liệu, chứng cứ bổ sung:

Tại phiên tòa, các đương sự cam kết không bổ sung tài liệu, chứng cứ gì khác ngòai các tài liệu, chứng cứ đã giao nộp cho T2 án.

[6] Hội đồng xét xử xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào Giấy vay mượn tiền ngày 26/8/2019, có người chứng kiến và ông Trịnh Cao K đã ghi "Đã nhận đủ 150.000.000 đồng và ký tên, ghi rõ họ và tên"; bản phô tô giấy chứng minh nhân dân của ông Trịnh Cao K; kết quả xác minh cư trú của Ban chỉ huy Công an phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Đơn khởi kiện, lời khai và cam kết của nguyên đơn tại phiên toà, cùng các tài liệu chứng cứ khác, Hội đồng xét xử xét, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn nộp và Toà án đã thu thập, thể hiện ông Trịnh Cao K là người xác lập giao dịch dân sự với bà Nguyễn Thị N: lập giấy vay tiền và đã nhận đủ số tiền 150.000.000 đồng.

Việc ông K là người vi phạm thỏa thuận, không thanh toán nợ đúng hạn, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà N, do vậy bà N yêu cầu Tòa án buộc ông K thanh toán khoản nợ nêu trên làm một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trịnh Cao K phải chịu án phí dân sự là 7.500.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự, bà N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp là 3.750.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khỏan 2 Điều 26; điểm a khỏan 1 Điều 35; điểm a khỏan 1 Điều 39, các Điều 91, 93, 94, 95, 96, 108, 109, 189, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 233, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 164, các Điều 166, 357, 463, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

X:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

1. Buộc ông Trịnh Cao K có nghĩa vụ dân sự thanh toán cho bà Nguyễn Thị N số tiền nợ vay là: 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Cách thức thanh toán: ông Trịnh Cao K có nghĩa vụ thanh toán số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), nêu trên, làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật,

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Trịnh Cao K phải chịu án phí dân sự là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng), ông Trịnh Cao K nộp án phí dân sự tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.2. Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự, bà Nguyễn Thị N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp là 3.750.000 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2023/0001731, ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận T, T1 phố Hịa Chí M.

3. Các bên đương sự thi hành bản án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Trịnh Cao K vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 và 26 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN
CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

N1

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Phú;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Nam Hải

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúc 09 giờ 15 phút ngày 08 tháng 8 năm 2024, tại Phòng nghị án trụ sở Tòa án nhân dân Quận T, T1 phố Hịa Chí M.

Hội đồng xét xử sơ thẩm với thành phần gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Nam H,
- *Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn H1,

Ông Phạm Quang L.

Đã tiến hành nghị án hồ sơ thụ lý số 765/2023/DSST ngày 19 tháng 12 năm 2023, về "Đòi tài sản", theo Q định đưa vụ án ra xét xử số 618/2024/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên toà số 798/2024/QĐST-HPT ngày 18 tháng 7 năm 2024, giữa các bên đương sự:

- *Nguyên đơn*: bà **Nguyễn Thị N** (có mặt tại phiên tòa),
- *Bị đơn*: ông **Trịnh Cao K** (vắng mặt tại phiên tòa),

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án và sự trình bày, tranh luận và xác nhận của đương sự tại phiên tòa, H4 đồng xét xử thảo luận và biểu quyết thống nhất 3/3 về những vấn đề sau:

1. Về điều luật áp dụng:

Khỏan 2 Điều 26; điểm a khỏan 1 Điều 35; điểm a khỏan 1 Điều 39, các Điều 91, 93, 94, 95, 96, 108, 109, 189, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 233, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 164, các Điều 166, 357, 463, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Biểu quyết: . . . . . .

2. Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

1. Buộc ông Trịnh Cao K có nghĩa vụ dân sự thanh toán cho bà Nguyễn Thị N số tiền nợ vay là: 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Cách thức thanh toán: ông Trịnh Cao K có nghĩa vụ thanh toán số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), nêu trên, làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật,

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Biểu quyết: . . . . . .

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ông Trịnh Cao K phải chịu án phí dân sự là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng), ông Trịnh Cao K nộp án phí dân sự tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3.2. Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự, bà Nguyễn Thị N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp là 3.750.000 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2023/0001731, ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận T, T1 phố Hịa Chí M.

Biểu quyết: . . . . . .

4. Về thi hành án dân sự:

Các bên đương sự thi hành bản án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Biểu quyết: . . . . . .

5. Quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Trịnh Cao K vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Biểu quyết: . . . . . .

5. Về các vấn đề khác:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

Điều 6, 7, 7a, 9 và 26 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Biểu quyết: . . . . . .

Buổi nghị án kết thúc lúc 09 giờ 45 phút cùng ngày, các thành viên Hội đồng xét xử đã đọc lại biên bản và ghi nhận đúng nội dung đã quyết định.

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA